

Số: 4438/QĐ-VP

Tây Ninh, ngày 16 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2017**  
**của Văn phòng UBND tỉnh**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Thông báo số 178/TB-STC ngày 09/8/2018 của Sở Tài chính về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2017;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản trị Tài vụ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2017 của Văn phòng UBND tỉnh (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Quản trị - Tài vụ, Trưởng các phòng, ban, Trung tâm thuộc Văn phòng và Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc NN Tỉnh (p/h);
- LĐVP, QTTV;
- Các phòng, ban, trung tâm;
- TTCBTH (đăng công TTĐT);
- Lưu VP.UBND tỉnh.

(Công khai du toan)

lo.



Đoàn Minh Long

Đơn vị: VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH

Chương: 405



**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NGÂN SÁCH, NGUỒN KHÁC NĂM 2017**  
(Kèm theo Quyết định số 11438/QĐ-VP ngày 16/8/2018 của Văn phòng UBND tỉnh Tây Ninh)

Đv tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
A	Quyết toán thu nguồn khác (nếu có)					
1	Thu hội phí					
2	Thu từ đóng góp của tổ chức, cá nhân					
3	Thu khác					
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước					
I	Chi thường xuyên	10.576,1	10.576,1	5.879	448,3	
1	Chi quản lý hành chính	4.682,9	4.682,9	175,0	1.308,3	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.695,4	3.695,4		1.308,3	
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	175,0	175,0	175,0		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội (kinh phí tết)					
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	812,5	812,5			
6	Chi hoạt động kinh tế					
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
II	Chi Chương trình mục tiêu					
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
	<i>Dự án nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn</i>	570,1	570,1			
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)					
III	Chi từ nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân					
	Nhiệm vụ A					
	Nhiệm vụ B					
	....					